

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT

Ngày 15/01/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Hải Vinh

Ông Ong Thân Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:62/2019/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST, ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Hiện cư trú: Thôn N, xã M, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Bùi Đức S, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/8/2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Đức S ngày 11/11/2015, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến

tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hàng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không bảo ban được nhau để cùng làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 12/2018. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

-Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19/9/2017, hiện con chung đang ở cùng chị, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay ly hôn chị xin nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm kế toán tại Hợp tác xã vận tải S ở xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập bình quân từ 12.000.000đ đến 15.000.000đ một tháng, hai mẹ con đang ở cùng gia đình ông bà ngoại ở thôn N, xã M, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Điều kiện kinh tế gia đình khá giả đảm bảo việc ăn ở sinh hoạt của hai mẹ con, chị cam đoan sẽ đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt.

-Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì đáng giá, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Đức S trình bày: Chị H trình bày về quan hệ hôn nhân và quá trình mâu thuẫn là đúng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn chị H. Về con chung: như chị H trình bày là đúng, nếu ly hôn anh xin nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm nghề lái xe ô tô cho chủ tư nhân tại thị trấn Kép, huyện L, tỉnh Bắc Giang, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đ một tháng, anh đang ở cùng bố mẹ đẻ ở thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang, điều kiện kinh tế gia đình khá giả, đảm bảo việc ăn ở sinh hoạt của hai bố con, nếu được nuôi con, anh cam đoan sẽ đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng con tốt. Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì đáng giá, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị H giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày: từ khi cưới nhau anh S đã đánh tát chị khoảng 10 lần, sau khi ly thân anh S thường gọi điện thoại và nhắn tin đe dọa đánh chị, hiện anh S mới đón con về ở với anh S và ông bà nội, chưa đưa con trả cho chị. Anh S giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày: Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 3/2019, anh có gọi điện thoại và nhắn tin nhiều lần bảo chị H về nhưng chị H không về chung sống với anh. Hiện anh đã đón con về ở với anh.

Với nội dung trên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST, ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 28; 35; 147; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Đức S.

-Về nuôi con chung: Giao chị Nguyễn Thị H nuôi con chung là Bùi Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19/9/2017; anh S được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0007326 ngày 09/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 27/9/2019 anh Bùi Đức S kháng cáo toàn bộ bản án, cùng ngày anh S nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Anh S kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Đề nghị xét xử lại toàn bộ bản án để vợ chồng anh được đoàn tụ, nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Bùi Đức S không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Bùi Đức S trình bày: Bản án sơ thẩm xử cho chị H ly hôn anh. Chị H cho rằng chị không hạnh phúc và yêu cầu được ly hôn là anh không đồng ý; anh vẫn còn tình cảm với chị H và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi con; về con chung: Anh đề nghị được nuôi con chung vì hiện tại con chung đang ở với anh, chị H bỏ con từ khi cháu mới 12 tháng tuổi và anh nuôi con đến bây giờ. Chị H không thăm con.

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị đề nghị được chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh S. Chị không đồng ý vợ chồng về đoàn tụ; Về con chung: anh S trình bày không đúng sự thật, chị đã ly thân với anh S từ tháng 12/2018 và mang con về ở cùng với bố mẹ chị. Khi xét xử sơ thẩm con chung vẫn ở với chị, sau đó anh S đón con và không cho chị đón con, gia đình anh S ngăn cấm chị thăm và đón con. Hiện tại anh S không có việc làm, không có thu nhập nuôi con. Chị hiện nay đang làm ở Hợp tác xã vận tải S ở tỉnh Bắc Ninh, thu nhập khoảng 15.000.000đ một tháng có đủ điều kiện nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Đức S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Bùi Đức S, ngày 11/11/2015, trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 12/2018. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H khởi kiện xin được ly hôn anh S. Bản án sơ thẩm xử cho chị H được ly hôn anh S. Anh S kháng cáo không đồng ý ly hôn. Xét kháng cáo của anh S. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa anh S trình bày anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con, nhưng anh S không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, chị H thì kiên quyết yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh S. Cả hai công nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bản án sơ thẩm xử cho chị H được ly hôn anh S là có căn cứ. Nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh S để vợ chồng về đoàn tụ.

[2]. Về nuôi con chung: Chị H và anh S có 01 con chung là Bùi Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19/9/2017. Hiện con đang ở cùng anh S. Bản án sơ thẩm xử giao con chung cho chị H là người trực tiếp nuôi con chung. Anh S kháng cáo không đồng ý. Xét kháng cáo của anh S. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh S trình bày yêu cầu được nuôi con vì chị H bỏ con từ khi con chung được 12 tháng tuổi. Nhưng căn cứ biên bản xác minh ngày 16/8/2019 (Bút lục 30) chính quyền địa phương cung cấp tại thời điểm này con chung vẫn đang ở cùng chị H. Do vậy, anh S trình bày là không có căn cứ. Ngoài ra, con chung là cháu Bùi Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19/9/2017 chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận nào khác phù hợp với lợi ích của con”. Hội đồng xét xử thấy: giữa anh S và chị H không có thỏa thuận nào khác, anh S không chứng minh được chị H không có đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, bản án sơ thẩm giao con chung cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nên không chấp nhận kháng cáo của anh S.

Nếu sau này người trực tiếp nuôi con là chị H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh S có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Đức S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của anh S không được chấp nhận, nên anh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Đức S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 28; 35; 147; 235; 264; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Đức S.

-Về nuôi con chung: Giao chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con con chung Bùi Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19/9/2017; anh S được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

-Về án phí: Anh Bùi Đức S phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0007439 ngày 27/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- Chi cục THA huyện L;
- UBND xã H, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THCTP.

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền

